

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
V/v tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Trần Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 267/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HPT ngày 11/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hoàng Y; sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ 4, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ 13, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(*Bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị Hoàng Y trình bày:

Bà Phan Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Tuấn H có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu bà Y, ông H chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp với nhau, mỗi người có ý chí riêng, bất đồng trong cuộc sống. Một phần, từ khi cưới nhau thì do công việc nên bà Y sinh sống ở thôn Q, xã N, huyện C, còn ông Nguyễn Tuấn H

sinh sống tại tổ 13, thôn V, xã C nên giữa hai vợ chồng xa cách, không quan tâm và chia sẻ với nhau.

Nay bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Y và ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Yến N, sinh ngày: 18/7/2015.

Bà Y có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N. Bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng để bà Y nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn H trình bày:

Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 17/7/2018 ông H trình bày: Ông H và bà Y có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do từ khi cưới nhau vì tính chất công việc nên bà Y sinh sống ở thôn Q, xã N, huyện C, còn ông Nguyễn Tuấn H sinh sống tại tổ 13, thôn V, xã C nên giữa hai vợ chồng xa cách, không quan tâm và chia sẻ với nhau.

Ông H không đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Bà Y và ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Yến N, sinh ngày: 18/7/2015.

Nếu phải ly hôn thì ông H có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Phan Yến N, sinh ngày: 18/7/2015. Ông H không yêu cầu bà Y cấp dưỡng để ông H nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà Y và ông H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn và sống xa nhau. Bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Y được ly hôn với ông H nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà Y. Về con chung bà Y và ông H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Yến N, sinh ngày: 18/7/2015. Bà Y có nơi ở, có việc làm và thu nhập ổn định, hiện cháu N đang sống với bà Y do đó cần xử giao cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Yến N. Bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng để bà Y nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Y, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà Y, ông H có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Phan Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Tuấn H có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết

hôn vào ngày 07/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà Y yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Nguyễn Tuấn H là xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Tuấn H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Y là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Tuấn H có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu bà Y, ông H chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Y là do không hòa hợp với nhau, mỗi người có ý chí riêng, bất đồng trong cuộc sống. Một phần, từ khi cưới nhau thì do công việc nên bà Y sinh sống ở thôn Q, xã N, huyện C, còn ông Nguyễn Tuấn H sinh sống tại tổ 13, thôn V, xã C nên giữa hai vợ chồng xa cách, không quan tâm và chia sẻ với nhau. Còn theo ông H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi cưới nhau thì do công việc nên bà Y sinh sống ở thôn Q, xã N, huyện C, còn ông Nguyễn Tuấn H sinh sống tại tổ 13, thôn V, xã C nên giữa hai vợ chồng xa cách, không quan tâm và chia sẻ với nhau. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà Y, Tòa án đã triệu tập ông H để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân để bà Y và ông H tiếp tục sống với nhau nhưng không thành. Sau đó ông H không đến tòa án để làm việc. Như vậy giữa bà Y và ông H có mâu thuẫn, bà Y và ông H không sống gần nhau là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Phan Thị Hoàng Y được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn H.

[3] *Về con chung*: Bà Y và ông H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Phan Yến N, sinh ngày: 18/7/2015. Bà Y và ông H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Yến N. Xét thấy bà Y có nơi ở, có việc làm và thu nhập ổn định, hiện cháu N đang sống với bà Y do đó cần xử giao cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Yến N. Bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng để bà Y nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Y, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà Y, ông H có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị Hoàng Y được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn H.

Về quan hệ con chung: Bà Y và ông H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Phan Yên N, sinh ngày: 18/7/2015.

Xử cho bà Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Yên N, sinh ngày: 18/7/2015.

Bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng để bà Y nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tuấn H được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà Y, ông H có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Phan Thị Hoàng Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0002888 ngày 11/7/2018, bà Y đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30-7-2019), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà Y, ông H vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã Nghĩa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan

